

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

LÊ TRANG THỦY DUNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: : 4724-2019-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01 - ĐTP

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN (100 = 110+120+130+140+150+160+170+180)		100		145.115.575.427	132.579.449.319
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	8.021.411.802	5.137.023.746
Tiền		111		8.021.411.802	5.137.023.746
II. Các khoản đầu tư		120		101.952.352.753	88.642.669.444
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		121	V.2	75.394.000.000	63.836.800.000
Tiền gửi có kỳ hạn		121a		75.394.000.000	63.836.800.000
2. Cho vay		122	V.3	26.558.352.753	24.805.869.444
a. Cho vay		122a		26.759.045.595	24.993.319.339
b. Dự phòng rủi ro cho vay		122b		(200.692.842)	(187.449.895)
III. Các khoản phải thu		130		21.172.053.744	20.225.281.063
1. Phải thu của khách hàng		131	V.4	21.104.830.638	19.911.264.589
a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		131a		1.687.461.246	1.277.003.987
b. Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác		131e		18.634.260.602	18.634.260.602
c. Phải thu phí hoạt động nhận ủy thác		131d		783.108.790	
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	12.760.000	273.025.526
3. Phải thu khác		136	V.6	54.463.106	40.990.948
IV. Hàng tồn kho		140		560.972.651	3.084.422.270
Hàng tồn kho		141	V.7	560.972.651	3.084.422.270
V. Tài sản cố định		150		9.482.992.680	9.549.804.756
1. Tài sản cố định hữu hình		151	V.8	941.592.680	1.008.404.756
Nguyên giá		152		1.636.633.710	1.636.633.710
Giá trị hao mòn lũy kế		153		(695.041.030)	(628.228.954)
2. Tài sản cố định vô hình		157	V.9	8.541.400.000	8.541.400.000
Nguyên giá		158		8.541.400.000	8.541.400.000
VI. Bất động sản đầu tư		160		-	-
VII. Tài sản dở dang		170		3.857.735.103	5.305.264.392
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		171	V.10	3.857.735.103	5.305.264.392
VIII. Tài sản khác		180		68.056.694	634.983.648
1. Thuế GTGT được khấu trừ		181		-	285.063.355
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		182	V.13	-	10.412.462
3. Chi phí trả trước		183	V.11	68.056.694	339.507.831

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
B. NỢ PHẢI TRẢ	200		31.593.534.115	27.536.703.540
I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay	210		8.004.074.742	-
Vốn nhận ủy thác cấp phát đầu tư	211	V.12	8.004.074.742	-
II. Các khoản phải trả	220		23.589.459.373	27.536.703.540
1. Phải trả người bán	221	V.13	316.362.089	271.443.030
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	224	V.14	2.339.687.831	1.923.176.417
3. Phải trả người lao động	225		1.435.626.434	1.079.196.602
4. Phải trả khác	229	V.15	18.753.827.624	23.737.092.007
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232	V.16	743.955.395	525.795.484
III. Vay và nợ thuê tài chính	240		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	300		113.522.041.312	105.042.745.779
I. Vốn chủ sở hữu	310	V.17	113.522.041.312	105.042.745.779
1. Vốn góp của chủ sở hữu	311		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	312		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	314		3.856.490.815	2.546.486.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	315		925.535.824	702.741.841
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	316		8.740.014.673	1.793.517.348
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	316a		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	316b		8.740.014.673	1.793.517.348
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	320		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (330=200+300)	330		145.115.575.427	132.579.449.319

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Phan Quỳnh Dao
Giám đốcLưu Quang Vũ
Kế toán trưởngHồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mẫu B02-ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Thu nhập lãi thuần	01	VI.1	6.359.192.980	5.460.997.993
1.1. Doanh thu thuần lãi cho vay	02		6.363.144.771	5.474.370.152
1.2. Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các Khoản chi phí hoạt động cho vay	03		3.951.791	13.372.159
2. Thu thập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	04	VI.2	10.578.071.243	2.071.517.609
2.1. Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	05		18.721.116.465	5.062.805.267
2.2. Chi phí hoạt động đầu tư trực tiếp	06		8.143.045.222	2.991.287.658
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	07	VI.3	840.200.593	507.740.909
3.1. Doanh thu thuần hoạt động dịch vụ	08		840.200.593	509.090.909
3.2. Chi phí hoạt động dịch vụ	09			1.350.000
4. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10		-	-
4.1. Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11		-	-
4.2. Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12		-	-
5. Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	13	VI.4	-	69.551.560
5.1. Doanh thu từ hoạt động tài chính	14			136.363.636
5.2. Chi phí tài chính	15			66.812.076
6. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	VI.5	6.077.431.345	5.272.611.642
7. Thu nhập thuần khác	17		15.278	1.429.157
7.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	18		15.278	1.429.157
7.2. Chi phí khác	19		-	-
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay	20		11.700.048.749	2.838.625.586
9. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	30		13.242.947	(1.013.445)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		11.686.805.802	2.839.639.031
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50		2.386.108.040	611.699.198
11.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	2.386.108.040	611.699.198
11.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.300.697.762	2.227.939.833

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Mẫu B03a - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp	01		20.169.774.770	5.589.720.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.076.597.109)	(5.955.191.185)
3. Tiền thu từ các Khoản phí	03			560.000.000
4. Tiền chi cho vay	04		(6.673.382.419)	(4.577.676.230)
5. Tiền thu hồi gốc cho vay	05		4.907.656.163	4.712.802.207
6. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	06		6.080.971.023	5.704.680.495
7. Chênh lệch tiền thu, chi từ nhận vốn ủy thác cấp phát đầu tư	11		8.004.074.742	-
8. Tiền chi trả cho người lao động	16		(3.666.259.402)	(3.549.881.808)
9. Thuế TNDN đã nộp	18		(2.829.997.495)	(402.025.016)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19		563.616.131	902.375.143
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		(11.038.268.348)	(2.175.919.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.441.588.056	808.885.498
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33		(80.724.000.000)	(68.651.800.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34		69.166.800.000	67.425.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(11.557.200.000)	(1.226.800.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	41		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	42		-	(2.281.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		-	(2.281.193)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60		2.884.388.056	(420.195.695)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70		5.137.023.746	5.557.219.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	71		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	80	V.1	8.021.411.802	5.137.023.746

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu